Số: 223/BC-THPTST
Thời gian ký: 15/07/2024 08:44:31 +07:00

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG SƠN TRÀ

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của Trường Trung học phổ thông Sơn Trà năm học 2023 - 2024

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp		
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm/rèn luyện**	**1238**	**435**	**428**	**375**
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	1142 92.24%	414 95.17%	395 92.29%	333 88.80%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	84 6.79%	20 4.60%	27 6.31%	37 9.87%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	12 0.97%	01 0.23%	06 1.40%	05 1.33%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
II	**Số học sinh chia theo học lực/học tập**	**1238**	**435**	**428**	**375**
1	Giỏi/Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	267 21.57%	94 21.61%	100 23.36%	73 19.47%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	836 67.53%	291 66.90%	274 64.02%	271 72.27%
3	Trung bình/Đạt (tỷ lệ so với tổng số)	133 10.74%	50 11.49%	53 12.38%	30 8.00%
4	Yếu/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	02 0,15%	0 0%	01 0,27%	01 0,27%
5	Kém/Chưa đạt (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**1238**	**435**	**428**	**375**
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	1238 100%	435 100%	428 100%	375 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	267 21.57%	94 21.61%	100 23.36%	73 19.47%
b	Học sinh tiên tiến/khá (tỷ lệ so với tổng số)	836 67.53%	291 66.90%	274 64.02%	271 72.27%

2	Kiểm tra lại (tỷ lệ so với tổng số)	01 0,08%	0 0%	01 0, 23%	0 0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
4	Chuyển trường đến (tỷ lệ so với tổng số)	26 2,1%	06 1,38%	17 3,97%	03 0,8%
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	0 0%	0 0%	0 0%	0 0%
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**	38	0	0	38
1	Cấp huyện	0	0	0	0
2	Cấp tỉnh/thành phố	38	0	0	38
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế	0	0	0	0
V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	375	0	0	375
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**	**Chưa có**			**Chưa có**
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)				
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)				
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)				
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)	**Chưa có**			**Chưa có**
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	554/543	205/217	188/190	161/136
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	06	02	02	02

Đà Nẵng, ngày tháng 7 năm 2024

HIỆU TRƯỞNG

Bùi Minh Quảng